

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Chí Tâm

Ông Phan Minh Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2021/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 04/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn T, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm E, Phường U, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: khóm O, phường U, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Lê Tr, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm E, Phường U, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện lập ngày 18/01/2021 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn T trình bày:*

Vào năm 1990 bà và ông Lê Tr được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu vợ chồng bà sống rất hạnh phúc nhưng thời gian về sau bà và ông Tr thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông Tr chửi bới bà vô cớ, không chỉ vậy ông Tr còn đánh bà, bà và ông Tr đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn

nhân nên bà đã ly thân với ông Tr từ tháng 07/2020 âm lịch cho đến nay. Mâu thuẫn giữa bà và ông Tr không có ai biết. Quá trình chung sống vợ chồng bà có ba con chung là Lê M, sinh năm 1991; Lê HT, sinh năm 1992 và Lê H, sinh năm 1996. Các con của ông bà hiện nay đều đã có gia đình và có cuộc sống riêng, ai cũng đủ khả năng lao động. Quá trình chung sống vợ chồng bà có phát sinh tài sản chung, nợ chung nhưng bà và ông Tr đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tình cảm vợ chồng không còn, bà không thể tiếp tục cuộc sống như vợ chồng với ông Tr nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng đối với bà và ông Tr. Còn những vấn đề khác như tài sản chung, nợ chung, con chung thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ông Lê Tr lập ngày 04/6/2021, ông Tr trình bày:*

Ông và bà Nguyễn T chung sống với nhau vào năm 1990 nhưng vợ chồng ông đến nay chưa đăng ký kết hôn. Còn về con chung có ba đứa như bà T trình bày, tài sản chung thì vợ chồng ông đã tự thỏa thuận xong rồi không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn nợ chung thì không có. Trước đây vợ chồng ông có mâu thuẫn nên ông có chửi vợ ông là đúng nhưng ông không có đánh vợ ông. Theo bà T yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà T là vợ chồng thì ông cũng đồng ý. Đồng thời ông xin được vắng mặt khi Tòa án xét xử do ông bận nhiều công việc không thể tham gia được.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ của đơn khởi kiện và đề nghị chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Tr vắng mặt nhưng có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Tr.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T và ông Lê Tr sống chung với nhau vào năm 1990, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Trong khoảng thời gian sống chung thì ông bà cũng đã có ba con chung. Lẽ ra, trong quá trình sống chung ông bà lo chí thú làm ăn để xây dựng gia đình

đầm ấm, hạnh phúc, nhưng ngược lại trong cuộc sống chung giữa ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo bà T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà và ông Tr là do ông Tr chửi bới bà vô cớ, có khi còn đánh đập bà, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể chung sống với nhau như vợ chồng được nữa, nên bà và ông Tr đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2020 âm lịch cho đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Tr. Còn ông Tr thì trình bày, quá trình sống chung vợ chồng ông đúng là sống chung với nhau năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng cũng đã có ba con chung đều đã trưởng thành, có lúc vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn, ông có chửi vợ nhưng ông không có đánh vợ, vợ chồng ông bà cũng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung xong nên bà T yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông thì ông cũng đồng ý.

[4] Thấy rằng, từ những vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày ông bà đã không có sự thông cảm cho nhau, nên đã làm cho gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn dẫn đến việc chửi bới nhau, đánh nhau, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2020 âm lịch đến nay. Mặt khác, sau khi nộp đơn khởi kiện Tòa án cũng muốn tiến hành hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng cho ông bà nhưng ông Tr đã không đến Tòa án tham gia hòa giải cũng như buổi công khai chứng cứ; Tại phiên tòa thì Tòa án cũng động viên bà T về sống chung nhằm hàn gắn lại tình cảm gia đình, nhưng bà T vẫn kiên quyết giữ quan điểm yêu cầu ly hôn với ông Tr. Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà T và tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà T và ông Tr là vợ chồng.

[5] Con chung: Quá trình sống chung, ông bà có ba con chung đều đã trưởng thành, theo bà T và ông Tr xác định các con chung của ông bà hiện nay đều đã có gia đình và có cuộc sống riêng, không ai có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông Tr không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp; ông Lê Tr không phải chịu tiền án phí.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn T và ông Lê Tr là vợ chồng.

[2] Về con chung: Các con chung của bà T và ông Tr đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, không ai có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông Tr không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007743 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà T đã thực hiện xong tiền án phí. Ông Lê Tr không phải chịu án phí.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng

